

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/03/2023  
V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phước Thọ

Bà Phạm Thu Trúc

**-Thư ký phiên tòa:** ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** ông Phan Thanh Việt - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân thụ lý số: 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Phạm Hồng P, sinh năm 1993 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: chị Dương Thị Thanh T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(anh P có yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Phạm Hồng P trình bày:*

Anh và chị Dương Thị Thanh T tự nguyện chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Dương Gia L sinh ngày 08/07/2020 và Nguyễn Dương Gia H

sinh ngày 01/12/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Anh và chị T đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Anh không còn tình cảm với chị T, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Sau khi ly hôn anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn Dương Gia L sinh ngày 08/07/2020 và Nguyễn Dương Gia H sinh ngày 01/12/2015 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của chị T đồng thời cũng không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Phạm Hồng P. Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Dương Gia L sinh ngày 08/07/2020 và Nguyễn Dương Gia H sinh ngày 01/12/2015 cho anh P nuôi dưỡng, ghi nhận anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Anh P và chị T tự nguyện chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Phạm Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải cho bị đơn chị Dương Thị Thanh T để hòa giải với anh P, nhưng chị T vắng mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Dương Thị Thanh T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, anh Nguyễn Phạm Hồng P có

đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phạm Hồng P và chị Dương Thị Thanh T.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế anh P và chị T đã sống ly thân nhau. Trong khoảng thời gian sống ly thân anh P và chị T có thể suy nghĩ và bàn bạc phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không làm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự họp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T vẫn không đến tham dự phiên hoà giải. Điều đó cho thấy, chị T không thể hiện thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tại phiên tòa anh P yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Phạm Hồng P.

[5] Từ những nhận định trên đây, xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, dù tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt, bên cạnh đó Nguyễn Dương Gia H thể hiện mong muốn được sống chung với cha, chị T sống ly thân với anh P không quan tâm con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được nuôi con chung của anh P là chính đáng và phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cũng như không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh.

[7] Về tài sản chung: Anh P khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[8] Về nợ chung: Anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng anh P phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Phạm Hồng P đối với chị Dương Thị Thanh T.

*Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Phạm Hồng P được ly hôn với chị Dương Thị Thanh T.

*Về con chung:* Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Phạm Hồng P được trực tiếp nuôi con chung tên chung tên Nguyễn Dương Gia L sinh ngày 08/07/2020 và Nguyễn Dương Gia H sinh ngày 01/12/2015. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, cha, mẹ có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* anh P trình bày tư thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

*Về nợ chung:* anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

*Về án phí:* Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh P phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010731 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Anh Nguyễn Phạm Hồng P và chị Dương Thị Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tiên Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh**